

Bản án số: 419/2018/HS-PT
Ngày: 26-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Ông Võ Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Phan Bùi T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và Cao Ngọc M phạm tội “Không tố giác tội phạm” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Phan Bùi T, sinh năm 1993; cư trú tại: Khối 14, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phan Bùi T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2017 đến ngày 17/8/2017; hiện tại ngoại; bị cáo có mặt.

2. Cao Ngọc M, sinh năm 1996; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Cao Ngọc H và bà Lê Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt.

Ngoài ra trong vụ án có 02 bị cáo bị xử về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 người bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị không được triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Hành vi không tố giác tội phạm của Cao Ngọc M:*

Nguyễn Thanh B là phụ xe khách cho nhà xe TT, trong quá trình đi xe, B biết trong rương sắt để trong xe luôn có tiền của khách gửi và B đã làm một chìa khóa mở rương sắt đó, B đã rủ Cao Ngọc D đi trộm với B. Ngày 15/02/2017, trước khi đi B đã mua khẩu trang, quai đeo tay dùng cho người bị gãy tay để cho những người quen trên xe khách TT không nhận ra. Khoảng 19 giờ ngày 15/02/2017, xe khách giường nằm TT biển kiểm soát 37B - A dừng đậu tại cây xăng số 24 đường Lê Ninh thuộc phường Quán Bàu, thành phố V, thì có chị Phạm Thị M1 đến gặp chị Trần Thị Hải Y là chủ xe khách giường nằm trên và nhờ chị Y chuyển gói hàng ra Hà Nội cho người nhà, bên trong gói hàng này chị M1 đã gói số tiền gồm 220.000 USD (Hai trăm hai mươi nghìn đô la Mỹ), 600.000 Baht (Sáu trăm nghìn bạt Thái Lan), 921.000 Yên (Chín trăm hai mươi một nghìn Yên Nhật), 669.300 Đài tệ (Sáu trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm Đài tệ), đều được bỏ vào bên trong hai lớp túi ni lông. Sau khi nhận được gói hàng của chị M1 thì chị Y đưa gói hàng này cho Nguyễn Đình V là phụ xe của xe khách TT và V bỏ gói hàng vào trong chiếc rương sắt để trên xe khách 37B-A rồi khóa rương lại. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chiếc xe khách di chuyển đến trước cổng Ga Vinh, đường Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, thành phố V dừng đón khách đi Hà Nội. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 15/02/2017, D và B lên xe khách TT, B nằm giường tầng 01 đầu tiên phía bên lái sát với rương đựng tiền còn D nằm giường thứ hai tầng một, lúc này trên xe không có ai, D cảnh giới. B lấy chìa khóa đã chuẩn bị sẵn từ trước mở rương sắt thò tay phải vào lấy 01 túi bóng màu xanh rồi khóa rương lại. Sau đó B ôm túi vừa lấy được cùng với D ra nằm phía sau dãy ghế cuối cùng ở tầng 1. Lúc đó D nói với B "Anh bóc ra mà bỏ trong người đừng có ôm rứa". B đưa gói hàng ra định để bóc nhưng thấy túi bóng được bọc chắc chắn bằng băng dính nên không bóc mà ôm gói hàng trong người. Sau đó B ôm túi bóng đựng tiền đã lấy được cùng với D giả vờ đi vệ sinh rồi tẩu thoát đến khách sạn HP thuộc phường V, thành phố V để chia tiền. Lúc đó B bóc ra thấy toàn Đô la Mỹ và ngoại tệ nên đã chia ra ba

phần, Cao Ngọc D một phần còn Nguyễn Thanh B hai phần. Sau đó, B và D đi bộ về khối T, phường V, thành phố V. Lúc này, B nói D gọi điện cho Cao Ngọc M để nói M đưa xe máy đến cho B, khi M đi xe máy đến thì thấy B cầm một túi bóng màu xanh nên M hỏi B "Cái chi đó anh?" B trả lời "Tiền mới lấy trộm được". Sau đó B treo túi bóng màu xanh đựng tiền lên xe rồi ra về. Khoảng 30 phút sau, B gọi điện cho D bảo D chở M ra ngã 6 đoạn đường giao nhau giữa đường Lê Mao và đường Trần Phú để B cho M tiền. Khi D và M đi ra gặp B tại ngã 6 thì B lấy trong túi bóng màu xanh treo trên xe của B ra một cục tiền Đô la Mỹ, B rút ra 09 tờ (mỗi tờ đều có mệnh giá 100 USD), còn lại B đưa cho D rồi quay xe đi. Một lúc sau, B gọi điện cho D và nói "Cho thằng B ba nghìn; cho anh L một nghìn" (B tên gọi khác là Cao Ngọc M). Sau đó, D đưa cho M 3000 USD (Ba nghìn đô la Mỹ) và M đã cầm số tiền này đưa về cất giấu trong chậu hoa để trong sân nhà M. Đến trưa ngày 16/02/2017, khi B đến nhà M chơi thì M có hỏi B "Tiền khi đêm nhà anh lấy mô đó?" B trả lời "nhà anh lấy ở xe khách TT ở ngoài ga". Đến ngày 17/02/2017, Cao Ngọc D đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn. Ngày 18/02/2017, Nguyễn Thanh B đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình cùng đồng bọn. Cơ quan điều tra đã thu giữ 219.000 USD Đô la Mỹ, 600.000 Bath, 889.000 Yên và 653.300 Đài tệ. Theo lời khai của chị Phạm Thị M1 số tiền gửi xe TT ngày 15/02/2017 bị mất 220.000 USD (đô la Mỹ), 600.000 Bath, 921.000 Yên và 669.300 Đài tệ. Như vậy, số tiền chênh lệch giữa bị hại khai và các bị can khai nộp cho Cơ quan điều tra còn thiếu 1.000 USD, 32.000 yên và 16.000 Đài tệ, tương đương số tiền 40.820.000 đồng. Gia đình các bị cáo Cao Ngọc D, Nguyễn Thanh B đã khắc phục tiền 40.820.000 đồng cho bị hại, chị M1 không yêu cầu đền bù dân sự gì thêm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai bị hại tổng số tiền Nguyễn Thanh B, Cao Ngọc D chiếm đoạt quy đổi ra tiền Việt Nam là 6.027.253.380 đồng (Sáu tỷ không trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm tám mươi đồng).

** Hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của Phan Bùi T:*

Vào khoảng 22 giờ ngày 16/2/2017, Cao Ngọc D (sinh năm 1989), Cao Ngọc L (sinh năm 1985), Cao Ngọc M (sinh năm 1996), Nguyễn Đình Th (sinh năm 1989), Nguyễn Văn H5 (sinh năm 1993), Nguyễn Hữu B1 (sinh năm 1997) đều trú tại khối P, phường V, thành phố V và Nguyễn Văn V (sinh năm 1994, trú xóm Y, xã H, thành phố V) cùng một số thanh niên khác hát karaoke tại thành phố V. Quá trình hát có mâu thuẫn rồi đánh nhau với nhóm thanh niên trong đó có Nguyễn Văn N (sinh năm 1989; phường S, thành phố V) và Hoàng

Văn S (sinh năm 1995; trú tại khối H, phường N, thị xã C) cùng một số thanh niên khác. Khi xảy ra sự việc trên cảnh sát 113, Công an phường N, thành phố V đến hiện trường thì hai nhóm thanh niên giải tán. Sau đó, Cao Ngọc D gọi điện cho Phan Bùi T và kể cho T nghe về việc mới đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn N, đồng thời D hỏi mượn súng của T để chuẩn bị đánh nhau tiếp với nhóm của Nhật và T đồng ý. Khi D đi xe máy một mình đến nhà T ở phường T, thành phố V thì gặp T và Lê Đức Q (sinh năm 1996; trú tại khối 11, phường T, thành phố V). Lúc này, T lấy trên mái nhà mình xuống một chiếc túi kẻ ca rô màu vàng đen đựng 01 (một) khẩu súng AK, 01 (một) khẩu súng Săm lét cùng nhiều viên đạn. Sau đó, D điều khiển xe máy Wave Anpha chở T ngồi phía sau ôm túi đựng súng đạn còn Q đi xe máy Zip màu đỏ một mình. Cả ba đi về hướng cầu P, phường V, thành phố V. Khi đi đến cầu P, D, T và Q gặp Nguyễn Văn H5 (sinh năm 1993 trú tại khối P, phường V, thành phố V) đang đứng ở đó. D nói T lấy súng ra và khi T đang mở xéc túi đựng súng, đạn ra đưa cho D thì ông Cao Ngọc Thìn là bố đẻ của Cao Ngọc D đi đến và nói “Bây chút cha cả đi không tau gọi 113 đến bắt cả bây dừ”. Nghe ông Thìn nói vậy, T đưa súng đạn sang phía bên kia cầu P. Khi vừa sang đến bên kia cầu P T đặt túi và kéo xéc ra đưa súng cho Cao Ngọc D thì cảnh sát 113 Công an tỉnh Nghệ An đến kiểm tra, thu giữ súng, đạn đồng thời đưa các đối tượng trên về trụ sở Công an thành phố V làm việc.

Tại bản kết luận số 91/PC 54 ngày 22/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Khẩu súng S1 gửi đến giám định có số súng XK70202P là súng quân dụng AK 47 do Liên Xô (cũ) sản xuất, có phần báng gỗ được cắt ngắn và gia công lại. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được.

- Khẩu súng S2 có ký hiệu S-U.S.A nguyên là súng săn S, cỡ nòng 12 (Calip 12) do Mỹ sản xuất đã được cắt ngắn nòng, gia công lại báng gỗ để thay đổi mục đích sử dụng nên thuộc loại có tính năng tương tự vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng bắn được.

- 35 (Ba mươi lăm) viên đạn gửi giám định gồm có 4 loại. Trong đó có 05 (năm) viên đạn ghém cỡ 12 (Calip 12); 12 (mười hai) viên đạn quân dụng cỡ 7,62 x 39 ram; 05 (năm) viên đạn quân dụng cỡ 9x29 mm; 13 viên đạn quân dụng cỡ 7,62x25mm.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã Q định:

Áp dụng khoản 1 Điều 230; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Bùi T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Ngọc M 09 (Chín) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”.

Ngoài ra, Bản án còn Q định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Cao Ngọc D; xử lý vật chứng; án phí và T báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 21 và 22/11/2017, các bị cáo Phan Bùi T và Cao Ngọc M có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Ngọc M giữ nguyên kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội đúng như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, do nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo Phan Bùi T xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*
Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Bùi T xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo M, sửa Bản án sơ thẩm để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Bùi T rút toàn bộ nội dung kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2] Bị cáo Cao Ngọc M khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của Bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thanh B là phụ xe khách cho nhà xe TT, trong

quá trình đi phụ xe B biết trong rương sắt để trong xe luôn có tiền của khách gửi và B đã làm một chìa khóa mở rương sắt đó, B đã rủ Cao Ngọc D đi trộm với B. Vào đêm ngày 15/02/2017 Nguyễn Thanh B, Cao Ngọc D đã lén lút trộm cắp tài sản của chị Phạm Thị M1 gửi tiền nhờ nhà xe TT chuyển ra Hà Nội cho người nhà nhận với tổng số tiền sau khi quy đổi là 6.027.253.380 đồng. Sau khi đã trộm cắp được tài sản trên, Cao Ngọc D gọi điện cho Cao Ngọc M đưa xe máy ra để B đi về, khi giao xe máy cho D thì Cao Ngọc M biết việc B và D vừa đi trộm cắp tài sản trên xe khách của nhà xe TT, sau đó B chỉ đạo D cho Cao Ngọc M 3.000 USD, quy đổi tiền Việt Nam là 68.040.000 đồng để M không nói với ai về việc đi trộm cắp tài sản của B và D. Cao Ngọc M biết B, D trộm cắp tài sản nhưng không báo cho Cơ quan chức năng, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án. Do đó, bị cáo M bị xét xử về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Cao Ngọc M đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan chức năng trong việc điều tra vụ án. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Cao Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy: Cao Ngọc M được B rủ đi trộm cắp tài sản nhưng do sợ nên không tham gia cùng B, nhưng khi giao xe máy cho D thì M biết được các bị cáo B, D vừa đi trộm cắp tài sản tại nhà xe TT về, M được các bị cáo B, D cho tiền để không tố giác các đối tượng này với cơ quan chức năng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tính răn đe, giáo dục và thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo M để sửa Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Các bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng cáo của bị cáo Phan Bùi T; các nội dung liên quan đến kháng cáo của bị cáo Phan Bùi T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Căn cứ điểm b Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Ngọc M; sửa Bản án sơ thẩm số 126/2017/HS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; phạt bị cáo Cao Ngọc M **09 (Chín) tháng tù** về tội “Không tố giác tội phạm” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Cao Ngọc M cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 126/2017/HS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- PV27; PC81 Công an tỉnh Nghệ An;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường V, TP Vinh, Nghệ An
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Duy Nhiệm